

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2019/DS – PT

Ngày: 21/11/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Bích Hải**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Hải**

Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyền Trang** –

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:*** Ông **Lâm Thành Them**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 172/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 10
năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DSST ngày 30/7/2019 của Tòa án
nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 326/2019/QĐ - PT ngày
04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Mạnh H.**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 159, tổ 5, Khu vực L., phường T., quận Thốt Nốt, Thành phố
Cần Thơ.

- Bị đơn: 1/ Ông **Đỗ Duy T.**, sinh năm 1958.

2/ Bà **Trần Thị X.**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số 512, khu vực T., phường Y., quận Thốt Nốt, Thành phố
Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị X., ông Đỗ Duy T..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Mạnh H. trình bày: Vào năm 2016, ông H. cho ông T.
vay 30.000.000 đồng, cho bà X. vay 03 lần với số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng

vợ chồng ông T., bà X. vay 90.000.000 đồng. Ông T., bà X. trả cho ông H. được 56.000.000 đồng nên còn nợ 34.000.000 đồng

Ngoài ra ông H. có tham gia góp hụi do ông T., bà X. làm chủ hụi gồm các dây hụi như sau:

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 30/9/2019 (âl), có 32 phần do ông T. làm chủ hụi. Ông H. chơi 03 phần, đến tháng 4/2019 (âl) thì hốt hụi chót nhưng ông T. không giao tiền nên còn nợ tiền hụi là 57.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 3.000.000 đồng do bà X. làm chủ, khai ngày 15/5/2015 (âl), có 24 phần, ông H. tham gia 04 phần, đến tháng 12/2016 (âl) thì ông hốt hụi chót 04 phần nhưng bà X. không giao tiền hụi nên còn nợ tiền hụi có lãi là 246.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, do bà X. làm chủ hụi, khai ngày 30/9/2015 (âl), có 20 phần, ông H. chơi 06 phần, năm 2016 (âl) ông hốt hụi chót 06 phần nhưng bị đơn không giao hụi nên còn nợ tiền hụi có lãi là 210.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 5.000.000 đồng, do bà X. làm chủ hụi, khai ngày 09/01/2016 (âl), có 22 phần, ông H. chơi 02 phần. Đến ngày 09/10/2016 âm lịch thì bà X. mất khả năng trả tiền hụi nên dây hụi này ông đóng được 10 lần, trừ tiền đầu thảo 5.000.000 đồng, bị đơn còn nợ tiền hụi có lãi là 95.000.000 đồng.

- Dây hụi 15 ngày (hụi nửa tháng) 1.000.000 đồng do bà X. làm chủ hụi, khai ngày 24/2/2016 (âl), có 22 phần, ông H. chơi 02 phần mua 01 phần đến ngày 09/01/2017 âm lịch mãn hụi nhưng bị đơn bẻ hụi khi dây hụi chưa mãn nên còn nợ ông số tiền hụi có lãi là 54.740.000 đồng.

- Dây hụi tháng 5.000.000 đồng do bà X. làm chủ hụi, khai ngày 02/11/2016 (âl), có 22 phần, ông H. chơi 01 phần, đóng được 02 lần là 10.000.000 đồng nhưng ngày 02/12/2016 (âl) thì bị đơn mất khả năng trả tiền hụi nên trừ tiền đầu thảo bị đơn còn nợ 7.500.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu ông Đỗ Duy T. và bà Trần Thị X. có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ theo hợp đồng vay là 34.000.000 đồng và 670.240.000 đồng nợ hụi, tổng cộng 704.240.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Đỗ Duy T. và bà Trần Thị X. trình bày:

Năm 2016, ông T. có vay của ông H. 30.000.000 đồng, bà X. vay của ông H. 03 lần với số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông bà vay của ông H. 90.000.000 đồng. Quá trình vay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 56.000.000 đồng nên còn nợ lại 34.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông bà thừa nhận ông H. có tham gia góp hụi do ông T., bà X. làm chủ hụi. Tuy nhiên về tiền nợ hụi thì do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà chỉ đồng ý trả số tiền thực mà ông H. đã đóng, cụ thể đối với từng dây hụi (tính theo ngày âm lịch) như sau:

- Dây hụi tháng 2.000.000 đồng do ông T. làm chủ, khai ngày 30/9/2014, có 32 phần, ông H. chơi 03 phần. Tháng 4/2019, ông H. hốt hụi chót nên bị đơn thừa nhận còn nợ 57.000.000 đồng.

- Dây hụi tháng 3.000.000 đồng khai ngày 15/5/2015, có 20 phần, bà X. làm chủ hụi. Ông H. chơi 02 phần và mua 04 phần. Tháng 4/2016, ông H. hốt hụi chót 06 phần nhưng bị đơn không khả năng trả tiền. Bị đơn không nhớ số tiền đóng thực tế của dây hụi nên tính trung bình mỗi lần kêu hụi là 800.000 đồng nên thành tiền ông H. đã đóng là 129.600.000 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý trả cho ông H. số tiền đã đóng này.

- Dây hụi tháng 5.000.000 đồng do bà X. làm chủ hụi, khai ngày 09/01/2016, có 22 phần, ông H. chơi 02 phần, ông H. đóng được 10 lần, trừ tiền đầu thảo 5.000.000 đồng. Bình quân mỗi lần kêu hụi là 2.200.000 đồng thành số tiền đóng thực tế là 56.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền này cho ông H..

- Dây hụi 15 ngày 1.000.000 đồng do bà X. làm chủ hụi, khai ngày 24/02/2016, có 22 phần, ông H. chơi 01 phần mua 02 phần. đến ngày 09/01/2017 là mãn hụi. Bình quân mỗi lần kêu hụi là 250.000 đồng nên thành tiền ông H. đóng thực tế 01 phần là 15.750.000 đồng, 03 phần chơi là 47.250.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả ông H. 47.250.000 đồng.

- Dây hụi tháng 5.000.000 đồng do bà X. làm chủ hụi, khai ngày 02/11/2016, có 22 phần, ông H. chơi 01 phần và đóng được 02 lần khai hụi. Thực tế mỗi lần kêu hụi là 1.500.000 đồng và 2.500.000 đồng nên thực tế ông H. đã đóng 6.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền này cho ông ông H..

Tổng số nợ hụi bị đơn thừa nhận là 461.250.000 đồng. Nay qua yêu cầu đòi nợ của ông H. (đòi 704.240.000 đồng nợ vay và nợ hụi) thì ông T. và bà X. chỉ đồng ý trả tổng số nợ 495.250.000 đồng, yêu cầu được trả dần.

Tại bản án sơ thẩm số 13/2019/DSST ngày 30/07/2019 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Mạnh H. đối với bị đơn ông Đỗ Duy T. và bà Trần Thị X..

Buộc ông Đỗ Duy T. và bà Trần Thị X. có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Mạnh H. số tiền 637.250.000 đồng.

Trong đó: 34.000.000 đồng nợ vay.

603.250.000 đồng nợ hui.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu đòi 74.750.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 12/8/2019 bị đơn ông Đỗ Duy T., bà Trần Thị X. có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chính xác lại phần lãi hui của 03 dây hui mở ngày 15/5/2015, dây hui mở ngày 30/9/2015, dây hui mở ngày 24/12/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Nguyên đơn nêu ý kiến đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy giữa bị đơn và nguyên đơn có lập hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất về số tiền nợ vay chưa trả là 34.000.000 đồng và số tiền nợ của 06 dây hui nhưng yêu cầu được xem xét giảm lãi trong và lãi ngoài của 03 dây hui mở ngày 15/5/2015, ngày 30/9/2015, ngày 24/12/2016, nguyên đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông T., bà X.:

Căn cứ vào điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 27/11/2006 thì trường hợp chủ hộ đã thu các phần hộ của các thành viên nhưng không giao cho các thành viên được lĩnh hộ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh hộ, chủ hộ phải giao các phần hộ đã thu được cho các thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có.

Đồng thời bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, ông Lê Mạnh H. yêu cầu ông Đỗ Duy T., bà Trần Thị X. phải có trách nhiệm trả lại cho ông H. số tiền đã vay là 34.000.000 đồng và số tiền nợ của 06 dây hụi là 670.240.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Đối với tranh chấp vay tài sản: Theo chứng cứ là 02 Biên nhận cùng ngày 22/3/2016, thể hiện nội dung ông Lê Mạnh H. có cho bà X. vay số tiền 60.000.000 đồng, ông T. vay 30.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đều thừa nhận bị đơn đã trả được 56.000.000 đồng nên còn nợ lại nguyên đơn 34.000.000 đồng. Ông H. yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và không tính lãi đối với bị đơn. Cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 34.000.000 đồng.

Đối với phần này nguyên đơn và bị đơn không kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

2.2. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Duy T., bà Trần Thị X. về việc xin giảm lãi của 03 dây hụi mở ngày 15/5/2015, ngày 30/9/2015, ngày 24/12/2016. Ông T., bà X. cho rằng:

- Hụi tháng 3.000.000 đồng khai ngày 15/5/2015 (Âl), 24 phần, mần ngày 30/4/2017: Ông H. chơi 03 phần + mua 01 phần = 04 phần. Đóng hụi 20 kỳ, hốt chót 04 phần = số tiền 246.000.000 đồng (trừ đầu thảo), ông H. đòi bị đơn phải trả nợ hụi có lãi 237.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận ông H. hốt chót 04 phần được số tiền 246.000.000 đồng nhưng thực tế trung bình một lần kêu hụi là 1.200.000 đồng nên chỉ đóng 165.400.000 đồng.

Phần lãi ngoài: Ông H. mua 01 phần hội, bị đơn đã trả lãi cho ông H. (lãi trong + lãi ngoài) số tiền 1.200.000 đồng x 24 phần = 28.800.000 đồng. Bị đơn cho rằng đã giao lãi trong 71.400.000 đồng và lãi ngoài 28.800.000 đồng (đã giao) trong số tiền 237.000.000 đồng nên đề nghị được giảm phần tiền lãi này.

- Hội tháng 2.000.000 đồng khai ngày 30/9/2015 (Âl), 20 phần, mần ngày 11/5/2017: Ông H. chơi 02 phần + mua 04 phần = 06 phần. Ông H. đóng hội 14 kỳ sống và hốt chót 06 phần = số tiền 210.000.000 đồng. Ông H. giảm cho bị đơn 10.000.000 đồng và đòi trả nợ hội có lãi 200.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận ông H. hốt chót 06 dây hội được 210.000.000 đồng nhưng cho rằng trung bình mỗi lần kêu hội là 800.000 đồng nên ông H. chỉ đóng thực tế là 129.600.000 đồng.

Hội góp: 1.200.000 đồng x 18 lần = 21.600.000 đồng x 2 phần = 43.200.000 đồng

Hội mua: 4 phần x 21.600.000 đồng = 86.400.000 đồng.

Lãi trong, lãi ngoài: 800.000 đồng x 4 = 3.200.000 đồng x 20 phần = 64.000.000 đồng.

Bị đơn đề nghị xem xét giảm lãi hai khoản 86.400.000 đồng và 64.000.000 đồng (đã giao).

- Hội 15 ngày 1.000.000 đồng, mở ngày 24/12/2016, 22 phần, ông H. tham gia 02 phần + mua 01 phần, hốt chót 03 phần. Nguyên đơn cho rằng đã đóng 19 kỳ hội sống nhưng không chứng minh được số tiền đã đóng. Bị đơn thừa nhận trung bình hội mỗi lần hội kêu 250.000 đồng nên ông H. đóng thực tế 10 tháng được 47.250.000. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả theo thực tế, bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét:

Hội chơi 1 phần: 750.000 đồng x 21 lần = 15.750.000 đồng.

Hội mua 2 phần: 15.750.000 đồng x 2 phần = 31.500.000 đồng

Lãi hội ông H. mua 2 phần, bị đơn đóng lãi trong, lãi ngoài: 1.000.000 đồng/tháng/phần x 10 tháng = 20.000.000 đồng. Bị đơn đề nghị giảm 20.000.000 đồng và lãi 2 phần hội mua đã giao 64.000.000 đồng.

Xét yêu cầu giảm lãi nêu trên của bị đơn nhận thấy:

- Tại phiên tòa bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới. Đồng thời, bị đơn và nguyên đơn cũng xác nhận nguyên đơn tham gia chơi 6 dây hội nhưng những dây hội hốt chót và hội sống còn nợ theo như bản án sơ thẩm đã tuyên thì phía bị đơn chưa thanh toán được một khoản nào trong số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

- Bị đơn thừa nhận còn nợ tiền của 06 dây hội như bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng cho rằng hoàn cảnh khó khăn, bị người chơi hội nợ tiền nên không có khả năng thanh toán nợ nên đề nghị nguyên đơn giảm tiền lãi hội, phía ông H. không

đồng ý. Nhận thấy, quá trình nguyên đơn tham gia chơi hội và mua hội do bị đơn làm chủ, phần lãi trong và lãi ngoài mà nguyên đơn được hưởng là do các thành viên góp hội trả lãi trong từng kỳ khai hội, sau khi trừ lãi nguyên đơn đóng phần tiền còn lại cho bị đơn để giao cho thành viên hốt hội. Đây là lãi hội giữa các thành viên tham gia góp hội thỏa thuận với nhau. Bị đơn là người tổ chức chơi hội và hưởng đầu thảo trên từng kỳ thành viên hốt hội. Do đó, quyền lợi của bị đơn không bị ảnh hưởng đối với số tiền lãi trung bình trong mỗi lần kêu hội.

Căn cứ theo Nghị định số 144/ ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định tại Điều 17: Họ có lãi là họ mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia họ, thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ.

Điều 29 quy định: Trách nhiệm của chủ họ do không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh họ, chủ họ phải giao các phần thu được cho thành viên đó và chịu bồi thường thiệt hại nếu có.

Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc được giảm lãi hội với số tiền như đã trình bày trên là không có cơ sở chấp nhận.

2.3. Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng: Kinh tế đang khó khăn nên đề nghị trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ, yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ ghi nhận ý chí của nguyên đơn. Xét thấy, yêu cầu này của bị đơn không thuộc phạm vi xem xét của HĐXX nên sẽ được xem xét giải quyết trong giai đoạn thi hành án

2.4. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị X., ông Đỗ Duy T. là có căn cứ.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí bị đơn phải nộp là 29.490.000 đồng. Do hoàn cảnh bị đơn khó khăn về kinh tế được Ủy ban nhân dân phường Y. xác nhận, cấp sơ thẩm đã xem xét giảm 50% án phí nên số tiền án phí bị đơn phải nộp là 14.745.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đỗ Duy T. sinh năm 1958, thời điểm xét xử vụ án ông T. đã trên 60 tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên phần ông T. phải liên đới cùng với bà X. chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn thì ông T. không phải chịu án phí. Vì vậy, số tiền án phí còn lại bà Trần Thị X. phải nộp là 7.372.500 đồng. Nên cần điều chỉnh đối với phần án phí bị đơn phải nộp.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông T., bà X. không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng. Ông Đỗ Duy T. được miễn nộp, nhưng do đây là án phí giá ngạch nên bà X. vẫn phải nộp 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 004979 ngày 16/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 357, điều 471, điều 463, điều 466 và điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27.11.2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đỗ Duy T., Trần Thị X..

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Đỗ Duy T. và bà Trần Thị X. có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Mạnh H. số tiền 637.250.000 đồng (sáu trăm ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Trong đó: + 34.000.000 đồng nợ vay;

+ 603.250.000 đồng nợ hội.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Duy T. được miễn án phí sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị X. phải nộp 7.372.500 đồng.

Nguyên đơn ông Lê Mạnh H. được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.240.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/004805 ngày 14/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Duy T. được miễn nộp; bà Trần Thị X. phải nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 004979 ngày 16/8/2019 tại chi cục thi hành dân sự quận Thốt Nốt thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA DS quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bích Hải

